

PHỤ LỤC SỐ 03
GIÁ ĐẤT NĂM 2015 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HÀ QUẢNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 40/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

I. NHÓM ĐẤT NÔNG NGHIỆP

BẢNG 1: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG LÚA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Số TT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			VT1	VT2	VT3
1	Khu vực I				
	Đất chuyên trồng lúa	LUC	76	53	30
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	68	48	27
	Đất trồng lúa nương	LUN	48	34	19
2	Khu vực II				
	Đất chuyên trồng lúa	LUC	65	46	26
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	58	40	23
	Đất trồng lúa nương	LUN	40	28	16
3	Khu vực III				
	Đất chuyên trồng lúa	LUC	56	39	22
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	49	34	20
	Đất trồng lúa nương	LUN	34	24	14

BẢNG 2: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM KHÁC

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Số TT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			VT1	VT2	VT3
1	Khu vực I				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	61	43	24
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	42	30	17
2	Khu vực II				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	53	37	21
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	37	26	15
3	Khu vực III				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	44	31	18
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	31	22	12

BẢNG 3: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

Số TT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			VT1	VT2	VT3
1	Khu vực I	CLN	52	36	21
2	Khu vực II	CLN	44	31	18
3	Khu vực III	CLN	37	26	15

BẢNG 4: BẢNG GIÁ ĐẤT LÂM NGHIỆP*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

Số TT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			VT1	VT2	VT3
1	Khu vực I				
	Đất rừng sản xuất	RSX	12.2	8.5	4.9
	Đất rừng phòng hộ	RPH			
Đất rừng đặc dụng	RDD				
2	Khu vực II				
	Đất rừng sản xuất	RSX	10.4	7.3	4.2
	Đất rừng phòng hộ	RPH			
Đất rừng đặc dụng	RDD				
3	Khu vực III				
	Đất rừng sản xuất	RSX	8.8	6.2	3.5
	Đất rừng phòng hộ	RPH			
Đất rừng đặc dụng	RDD				

BẢNG 5: BẢNG GIÁ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

Số TT	Tên đơn vị hành chính	MĐSD	Giá đất		
			VT1	VT2	VT3
1	Khu vực I	NTS	37	26	15
2	Khu vực II	NTS	31	22	13
3	Khu vực III	NTS	27	19	11

II. NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

BẢNG 6: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Khu vực I				
1	Xã Đào Ngạn				
	Đoạn từ đỉnh dốc Pá Deng theo trục đường chính qua xã đến hết nhà bà Vi Thị Nanh (xóm Bản Nưa);	179	125	89	54
	Đoạn từ ngã ba Nà Sả đường rẽ đi Nặm Thín đến nhà ông Phan Văn Quê;				
	Đoạn từ ngã ba Phia Hính qua xóm Kéo Chang đến xóm Kê Hiệt đến hết đất nhà ông Vương Văn Tường (xóm Kê Hiệt);				
	Đoạn từ đường chính gốc cây đa rẽ vào đến hết chân đập Hồ Bản Nưa				
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên	152	106	76	46
II	Khu vực II				
1	Xã Phù Ngọc				
	Từ đường Hồ Chí Minh theo đường vào cổng trường Trung học Phổ thông Nà Giàng đến cổng trường;	367	257	184	110
	Từ cổng nước (cua Cốc Đúc) trên nhà ông Triệu Văn Thuật theo trục đường Hồ Chí Minh xuống đến đỉnh dốc Sam Kha;				
	Từ ngã ba trục đường Hồ Chí Minh theo đường liên xã Phù Ngọc- Hạ Thôn đến hết nhà ông Trần Văn Đông;				
	Từ trục đường chính Hồ Chí Minh rẽ vào chợ và mặt tiền xung quanh chợ.				
	Từ đất nhà ông Nông Văn Chín (xóm Cốc Chủ) theo đường Hồ Chí Minh đi xuống đến hết mốc ranh giới xã Phù Ngọc và xã Nam Tuấn huyện Hoà An (Khau Mắt)	300	210	150	90
	Đường Nà Giàng - Hạ Thôn, đoạn từ nhà ông Trần Văn Đông đến cầu xây thứ nhất (chân dốc Noóc Mò)	210	147	105	63
	Từ cổng nước (cua Cốc Đúc) theo trục đường Hồ Chí Minh lên đến điểm mốc ranh giới thị trấn Xuân Hoà (dốc Kéo Mạ);				
	Đoạn đường từ ngã ba đường Hồ Chí Minh theo đường vào Trạm y tế đến ngã ba đường rẽ lên trường Tiểu học Nà Giàng và Trạm y tế;				

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Từ đỉnh dốc Sam Kha theo trục đường Hồ Chí Minh xuống đến Nà Lum xóm Cốc Chủ (giáp đất nhà ông Nông Văn Chín xóm Cốc Chủ);				
	Đường Phù Ngọc - Đào Ngạn đoạn từ tiếp giáp với đường Hồ Chí Minh đến hết địa phận xã Phù Ngọc (đỉnh dốc Pá Deng).				
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên	179	125	90	54
2	Xã Trường Hà				
	Đoạn từ tiếp giáp thị trấn Xuân Hòa theo đường Hồ Chí Minh đi Pác Bó đến hết nhà ông Hoàng Văn Hòa (xóm Nà Mạ);				
	Từ nhà ông Hoàng Văn Hòa (xóm Nà Mạ) theo đường Hồ Chí Minh đến chợ xã Trường Hà;	210	147	105	63
	Đoạn đường từ trung tâm chợ xã Trường Hà theo đường đi Pác Bó đến nhà bà Nông Thị Ngân (xóm Bó Bầm).				
	Tiếp giáp đường Hồ Chí Minh (chân dốc Kéo Già) theo đường làng nghề, làng du lịch qua cầu Nà Rài đến hết nhà ông Hoàng Văn Váng (xóm Hoong I);				
	Tiếp giáp đường Hồ Chí Minh (đường 203 cũ) (trước nhà ông Đàm Nông Cháp) theo đường làng nghề, làng du lịch đến cầu Hoong I;				
	Tiếp giáp đường Hồ Chí Minh (Nhà văn hoá xóm Nà Mạ) theo đường vào đồi Thoong Mạ đến đầu cầu bên kia suối;	179	125	90	54
	Tiếp giáp đường Hồ Chí Minh (nhà bà Đàm Thị Mai) theo đường vào Nhà máy Thủy điện Bản Hoàng đến cổng nhà máy;				
	Từ sân Bảo tàng Pác Bó theo đường nội vùng Pác Bó đến điểm trường Pác Bó.				
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên	152	106	76	46
III	Khu vực III				
1	Xã Nà Sác				
	Đoạn đường từ đầu cầu Đôn Chương theo trục đường Hồ Chí Minh đến hết địa phận xã Nà Sác (giáp xã Sóc Hà).	210	147	105	63
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên	152	106	76	46

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
2	Xã Tổng Cột				
	Đoạn từ chợ Trâu bò (ngã ba rẽ vào trường cấp I, II Tổng Cột) đến ngã ba đường rẽ đi xã Sỹ Hai, đường rẽ vào chợ và mặt tiền xung quanh chợ.	210	147	105	63
	Đoạn từ đường 210 rẽ vào trường cấp I, II Tổng Cột và từ nhà ông Vương Văn Nghĩa theo đường 210 đến mỏ nước Răng Pù;	179	125	90	54
	Từ ngã ba đường rẽ đi xã Sỹ Hai theo đường 210 đến hết địa phận xã Tổng Cột;				
	Từ đường 210 theo đường phân giới cắm mốc đến mỏ Sọc Phày;				
	- Đoạn từ mỏ nước Răng Pù theo đường 210 đến giáp địa phận xã Cô Mười; - Đoạn từ tiếp giáp xóm Cột Nưa theo đường 210 đến giáp xã Nội Thôn.				
	Đoạn từ ngã ba đường tỉnh lộ 210 theo đường giao thông nông thôn đi qua xóm Thiêng Ngọa, Lũng Ái;	152	106	76	46
	Đoạn từ ngã ba đường liên xã Sỹ Hai đi Tổng Cột vào đến trung tâm xóm Pài Bá.				
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên	129	90	65	39
3	Xã Lũng Nặm				
	Từ chân dốc Lũng Đá theo đường 210 đến đường rẽ lên xóm Cả Giếng;	210	147	105	63
	Từ ngã ba đường 210 (nhà ông Ma Văn Thành) theo đường Lũng Nặm- Vân An đến nhà bà Nông Thị Bích Thu (xóm chợ Nặm Nhũng cũ).				
	Từ ngã ba Bó Ngản đến ngã ba xóm Thín Tăng;	179	125	90	54
	Từ tiếp giáp nhà bà Nông Thị Bích Thu theo đường Nặm Nhũng- Vân An đến Nặm Thuôn;				
	Từ đường rẽ lên xóm Cả Giếng theo đường 210 Thượng Thôn đến hết nhà ông Chu Văn Khái (xóm Bó Nhảo).				
	Từ đường rẽ lên xóm Cả Giếng đến đường rẽ đi xóm Tổng Pô;	152	106	76	46
	Từ Km 1 đường đi xã Vân An hết Km 1 Nặm Thuôn;				
	Từ Hùm Lũng Đá đến ranh giới xã Kéo Yên.				
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên	129	90	65	39

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
4	Xã Sóc Hà				
	Từ phòng khám đa khoa theo trục đường chính vào cửa khẩu đến nhà Mầm non của xã;	367	257	184	110
	Từ ngã ba trục chính đi vào cửa khẩu, rẽ vào chợ đến đầu cầu Pác Sào (cầu Pháp cũ) xóm Nà Nghiêng;				
	Đường liên xã Sóc Hà - Quý Quân, đoạn từ ao cá nhà ông Lương Văn Quảng (xóm Nà Nghiêng) đến nhà ông Nông Văn Phú (Xóm Nà Nghiêng)	300	210	150	90
	Đoạn từ phòng khám đa khoa theo trục đường Hồ Chí Minh đến hết địa phận xã Sóc Hà (giáp xã Nà Sác)				
	Đoạn từ đầu cầu Pác Sào (cầu Pháp cũ) theo đường đi xóm Nà Cháo đến nhà ông Triệu Văn Tiết (xóm Nà Cháo);	210	147	105	63
	Từ ngã ba rẽ vào cầu Cốc Vương theo đường vành đai đến nhà cộng đồng xóm Nà Phái;				
	Đoạn tiếp giáp đường Hồ Chí Minh từ nhà ông Nông Hoàng Thành theo đường tuần tra biên giới đến đường rẽ vào nhà ông Vi Văn Hải khu vực Nà Cà xóm Địa Lan.				
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên	179	125	89	54
5	Xã Quý Quân				
	Từ ao nhà ông La Hải Tiên theo trục đường chính xuống đến hết khu đất ruộng của ông Triệu Văn Đàng sát bờ sông nơi có ba đám ruộng của ông Triệu Văn Quốc;	135	95	68	41
	Từ thửa đất ông La Hoàng Bình (Nà Gọn) theo đường cái đến hết khu đất ông Quách Văn Cảnh (Thong Tả Pịt);				
	Từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã theo đường vào xóm Nà Pò;				
	Từ cầu (Lão Lường) theo đường cái đến hết Bản Láp.				
	Từ cầu Lão Lường theo đường chính qua xóm Bắc Phương đến hết nhà ông Nông Văn Kiêm (xóm Khuổi Tấu);	115	80	57	34
	Từ Trạm Y tế xã qua xóm Khuổi Luông đến Kéo Co Pheo (giáp ranh giới đất thị trấn Xuân Hòa);				
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên	98	68	49	29

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
6	Xã Kéo Yên				
	Đoạn từ nhà ông Vương Văn Hải (xóm Nặm Rằng) đến mốc Quốc giá 681 (xóm Nặm Rằng);				
	Từ đoạn đường cua cạnh rẫy ông Bế Văn Sáng (Co Lý) theo đường 210 qua nhà ông Hoàng Văn Sầm (Keng Đây) đến đỉnh dốc Kéo Tối (xóm Rằng Rụng).	135	95	68	41
	Đoạn từ đường rẽ ngã ba giao thông liên thôn xóm Pá Rản lên xóm Lũng Luông đến chân dốc Đông Hấu (xóm Tả Rản)				
	Đoạn đường từ chân dốc (rẫy ông Hoàng Văn Hôn) dọc theo đường giao thông Thín Tảng Lũng Nặm - Lũng Tú đến Cốc Chia xóm Bó Sóp;				
	Đoạn từ rẫy Sác Ngọa ông Lục Văn Xiu theo đường vào xóm Lũng Tú đến hết đường ô tô đi lại được.	115	80	57	34
	Đoạn đường từ nhà ông Hoàng Văn Sầm (xóm Keng Đây) theo đường 210 đến đỉnh dốc Kéo Tối (xóm Rằng Rụng)				
	Đoạn từ nhà ông Hoàng Văn Soong xóm Bó Sóp đến Thông Tòi đến hết địa phận xã Kéo Yên;				
	Đoạn từ cua gương cầu Co Lý theo đường giao thông Kéo Yên đi Vân Dính đến mốc địa giới hành chính Kéo Yên - Vân Dính	98	68	49	29
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên	83	58	41	25
7	Xã Thượng Thôn				
	Từ ngã ba Lũng Mùm đến giáp đỉnh dốc Lũng Táy; khu vực xung quanh chợ xã và trụ sở Ủy ban nhân dân xã	210	147	105	63
	Đoạn đường theo trục đường đi xã Hồng Sỹ đến ngã ba đường đi xóm Cả Giang.				
	Theo đường 210 từ đỉnh dốc Lũng Táy đến ranh giới mốc giáp với xã Nội Thôn (Lũng Tùng);				
	Từ ngã ba Lũng Mùm đến hết làng Lũng Tản;	179	125	89	54
	Từ ngã ba Tổng Cáng theo đường liên xã Thượng Thôn-Hồng Sỹ đến nhà ông Đàm Văn Hồng xóm Nặm Giạt				
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên	152	106	76	46

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
8	Xã Nội Thôn				
	Đoạn từ Kéo Lắc Mạ theo đường 210 đến hết nhà ông Hoàng Văn Sỳ (xóm Lũng Rì).	135	95	68	41
	Theo đường 210 từ Kéo Lắc Mạ đến hết xóm Lũng Rại;	115	80	57	34
	Đoạn từ nhà ông Hoàng Văn Sỳ (xóm Lũng Rì) đến hết kéo Lũng Tùng.				
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên	98	68	49	29
9	Xã Vân An				
	Khu vực xóm Pác Có và xóm Co Phây;	135	95	68	41
	Từ nhà bia tưởng niệm theo đường đi UBND xã đến khu vực trụ sở UBND xã;				
	Khu vực xóm Cha Vạc và xóm Lũng Rầu.				
	Đoạn từ xóm Nậm Đin đi xóm Co Phây;	115	80	57	34
	Từ ngã ba xóm Co Phây đi xóm Pác Có;				
	Từ Đổng Đeng theo đường liên xã đến đầu làng Cha Vạc;				
	Đoạn từ ngã ba Thang Thon theo đường liên xã đến hết địa phận tiếp giáp xã Lũng Nậm.				
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên	98	68	49	29
10	Xã Cải Viên				
	Mặt tiền hai bên đường giao thông liên xã từ ngã ba trường Trung học Cơ sở xã đến hết làng Dộc Nậm;	135	95	68	41
	Từ làng Dộc Nậm theo đường liên xã đến hết địa phận xã Cải Viên (Giáp xã Vân An)				
	Từ đỉnh dốc xóm Lũng Pán đến trường tiểu học xã.				
	Từ ngã ba Mẻ Bao đến nhà văn hóa xóm Tả Piầu;	115	80	57	34
	Từ ngã ba Sam Sào đến nhà văn hóa xóm Nậm Niệc;				
	Từ xóm Chông Mạ theo đường phân giới cắm mốc đến hết địa phận giáp xã Nội Thôn;				
	Từ xóm Chông Mạ theo đường giao thông nông thôn đến nhà ông Nông Văn Thời nhóm hộ Lũng Tả thuộc xóm Chông Mạ.				
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên	98	68	49	29
11	Xã Sỹ Hai				
	Trục đường liên xã đoạn từ ngã ba Lũng Pèn theo đường Sỹ Hai- Tổng Cột đến hết nhà bà Hoàng Thị Quế (xóm Nậm Thuôm).	135	95	68	41

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn từ ngã ba Lũng Pên theo đường liên xã đến hết xóm Lũng Túp (Thổ Công) cuối làng;	115	80	57	34
	Đoạn từ nhà bà Hoàng Thị Quế (xóm Nặm Thuồm) đến hết làng Lũng Đâu (ngã ba đi xóm Làng Linh).				
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên	98	68	49	29
12	Xã Mã Ba				
	Đoạn từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã cũ theo đường liên xã đến trạm biến áp của xã.	135	95	68	41
	Từ trạm biến áp theo đường liên xã đến hết xóm Lũng Rản (ngã ba đường đi xã Sỹ Hai).	115	80	57	34
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên	98	68	49	29
13	Xã Hạ Thôn				
	Đoạn từ trạm Y tế theo đường liên xã đến hết làng Lũng Hủ (đoạn cua có cống nước).	135	95	68	41
	Đoạn từ ngã ba Rặng Khoen đến hết làng Lũng Giáo (ngã ba đường rẽ cạnh nhà ông Dương Vương Soong).	115	80	57	34
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên	98	68	49	29
14	Xã Hồng Sỹ				
	Từ nhà ông Triệu Trung Hòa xóm Lũng Đá đi xóm Tổng Đại theo trục đường nhựa;	135	95	68	41
	Từ trường Tiểu học theo đường chính đến hết trụ sở Ủy ban nhân dân xã;				
	Từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã theo đường liên xã đến hết Trường Trung học cơ sở Hồng Sỹ.				
	Theo đường liên xã đoạn từ trường học đến giáp ranh xã Sỹ Hai;	115	80	57	34
	Đoạn từ Trường Trung học Cơ sở Hồng Sỹ đến giáp ranh xã Thượng Thôn.				
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên	98	68	49	29
15	Xã Vân Dính				
	Đoạn từ giáp ranh giới Thị trấn Xuân Hòa qua địa phận xã Vân Dính giáp xã Thượng Thôn.	135	95	68	41
	Đoạn đường từ ngã ba mỏ nước Lũng tu đi đến xóm Lũng Sang hết nhà ông Trương Văn Dén;	115	80	57	34
	Đoạn từ nhà ông Mạ Văn Tu (trường tiểu học Lũng Giang) theo đường Lũng Giàng đi xóm Lũng Cuối đến hết đoạn đường cụt;				

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ ngã ba nhà ông Dương Văn Vị theo đường liên xóm Sỹ Diêng đi Kha Bản đến phân trường Kha Bản.				
	Các đoạn đường còn lại của xã chưa nêu ở trên	98	68	49	29

BẢNG 7: BẢNG GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI NÔNG THÔN

Giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp là đất thương mại dịch vụ được tính bằng 80% giá đất ở tại vị trí đó

BẢNG 8: BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI NÔNG THÔN

Giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ được tính bằng 60% giá đất ở tại vị trí đó.

BẢNG 9: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
I	Thị trấn Xuân Hòa				
1	Đường phố loại II				
	Đoạn đường ngã ba tiếp giáp đường HCM theo đường Xuân Hòa - Vân Dính, đến hết tường rào Huyện Ủy;	1.000	700	500	300
	Từ đầu cầu Bó Phú giáp đường Hồ Chí Minh đến cầu Chợ;				
	Đoạn từ đường rẽ vào Trường Trung học Cơ sở Xuân Hoà theo trục Hồ Chí Minh đến cầu Năm Nhãn;				
	Đoạn từ ngã ba rẽ vào chợ huyện và mặt tiền xung quanh chợ;				
	Đoạn đường cũ rẽ vào UBND huyện từ ngã ba quán ông Hoàng Văn Luân đến nối vào đường Xuân Hòa – Vân Dính hết thửa đất ông Nông Văn Cấm;				
	Các đoạn đường còn lại chưa nêu ở trên	850	595	425	255

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
2	Đường phố loại III				
	Từ đầu cầu Nặm Nhãn (xóm Nà Vạc) theo trục đường Hồ Chí Minh đi Pác Bó đến hết nhà mẫu giáo xóm Đôn Chương;				
	Đoạn từ cổng Nhà trẻ Liên Cơ theo đường vào sau chợ đến nhà ông Bế Văn Mạc;				
	Đoạn từ ngã ba rẽ vào Trường Trung học Cơ sở Xuân Hoà theo trục đường Hồ Chí Minh xuống đến nhà ông Chu Văn Thắng (xóm Nà Chang);				
	Đường liên xã Xuân Hoà - Đào Ngạn, đoạn tiếp giáp đường Hồ Chí Minh ngã ba rẽ vào Hạt Kiểm lâm đến hết nhà ông Phương Quốc Tuấn;	720	504	360	216
	Đoạn tiếp giáp đường Hồ Chí Minh theo trục đường vào Trường Trung học Cơ sở Xuân Hoà đến hết thửa đất của ông Nông Văn Nghị (Tổ Xuân Trường);				
	Đoạn từ ngã tư Đôn Chương theo đường đi Sóc Hà đến đầu cầu Đôn Chương;				
	Đoạn tiếp giáp đường Hồ Chí Minh theo trục đường 210 đến nhà ông Nông Văn Nghị (xóm Đôn Chương);				
	Đoạn tiếp giáp đường Hồ Chí Minh theo trục đường rẽ vào trường Trung học Phổ thông Hà Quảng đến giáp trường (Đông Luông Bản Giàng)				
	Các đoạn đường còn lại chưa nêu ở trên	612	428	306	184
3	Đường phố loại IV				
	Đoạn tiếp giáp đường Hồ Chí Minh rẽ vào nghĩa trang cách nhà quản trang 300 m;				
	Đường Xuân Hoà - Đào Ngạn: Đoạn từ nhà ông Phương Quốc Tuấn đến cầu Hoàng Rẻ;	520	364	260	156
	Đoạn từ nhà ông Chu Văn Thắng theo đường Hồ Chí Minh đến trụ sở Hợp tác xã Toàn Năng;				
	Đoạn đường từ Trường mẫu giáo xóm Đôn Chương theo đường Hồ Chí Minh đến hết địa giới thị trấn Xuân Hoà (giáp xã Trường Hà).				
	Các đoạn đường còn lại chưa nêu ở trên	442	309	221	133
4	Đường phố loại V				
	Đoạn đường từ Trụ sở Hợp tác xã Toàn Năng theo đường Hồ Chí Minh đến hết địa giới thị trấn Xuân Hoà (giáp xã Phù Ngọc);	311	218	156	93

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đường Xuân Hoà - Đào Ngạn: Đoạn đường từ cầu Hoàng Rè đến hết địa giới thị trấn Xuân Hòa;				
	Đoạn từ nhà ông Nông Văn Nhị (xóm Đôn Chương) theo đường 210 đến hết địa giới thị trấn Xuân Hòa (giáp xã Kéo Yên);	264	185	132	79
	Đoạn tiếp tường rào Huyện Ủy theo đường Xuân Hòa - Văn Dính đến hết địa giới thị trấn Xuân Hòa (giáp xã Văn Dính).				
	Các đoạn đường còn lại chưa nêu ở trên	225	157	112	67
II	Xã Sóc Hà				
1	Đường phố loại IV				
	Đoạn trục đường chính từ nhà ông Nông Văn Ca đến trạm liên hợp cửa khẩu.	520	364	260	156
	Đoạn từ đường tròn cửa khẩu (nhà ông Hoàng Văn Đức) đến cống thoát nước tại thửa ruộng ông Nông Văn Quỳnh;				
	Các đoạn đường còn lại chưa nêu ở trên	442	309	221	133
2	Đường phố loại V				
	Đoạn từ đường Hồ Chí Minh tiếp giáp với ruộng ông Nông Văn Quỳnh theo trục đường Hồ Chí Minh đến hết ngã ba giáp xã Nà Sác;	377	264	189	113
	Đoạn đường từ nhà ông Nông Văn Ca theo đường trục chính ra đến hết đất nhà Mẫu giáo của xã.				
	Các đoạn đường còn lại chưa nêu ở trên	321	224	160	96

BẢNG 10: BẢNG GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI ĐÔ THỊ

Giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp là đất thương mại dịch vụ được tính bằng 80% giá đất ở tại vị trí đó.

BẢNG 11: BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI ĐÔ THỊ

Giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ được tính bằng 60% giá đất ở tại vị trí đó.